

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **21/2018/HNGĐ-PT**

Ngày: 10/7/ 2018

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Hương**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Thành Dương**

Bà **Phạm Thị Xuân Đào**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Mỹ Thuận.**

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà **Vũ Thị Mỹ Liên** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2018/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 14/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh N**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số M, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Số N, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng V**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số M, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N, anh V có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N và bị đơn anh Nguyễn Hoàng V trình bày:

Chị N và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Ngày 12/3/2007 anh, chị được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống đến tháng 11/2015 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xúc phạm nhau, anh V đã từng dùng tay, chân đánh chị N

nhưng không gây thương tích. Từ tháng 11/2015 đến nay, chị N đã đưa hai con về nhà gia đình chị gái sinh sống, thời gian vợ chồng sống ly thân anh V và chị N không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị N yêu cầu ly hôn với anh V thì anh V không đồng ý. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh V đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Ngoài ra, chị N và anh V còn cho rằng, thời gian vợ chồng sống ly thân anh V, chị N ngoại tình nhưng các đương sự đều không thừa nhận và cũng không có chứng cứ để chứng minh.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 21/02/2008 và cháu Nguyễn Hoàng Gia P sinh ngày 30/7/2014 hiện đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu nuôi 02 con và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ/1 cháu nhưng anh V không đồng ý. Ngược lại, anh V yêu cầu nuôi hai con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giao con cho 01 bên nuôi thì chị N, anh V cùng đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ/1 cháu.

Về tài sản chung: Chị N, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh V nộp đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung nên Tòa án đã ra thông báo trả đơn cho anh V theo quy định pháp luật.

Về nợ chung: Chị N, anh V khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 14/3/2018, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Nguyễn Hoàng V ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 21/02/2008 và cháu Nguyễn Hoàng Gia P sinh ngày 30/7/2014 cho chị Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Hoàng V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 1.500.000đ/1 cháu, tổng cộng 3.000.000đ/2 cháu (ba triệu đồng), kể từ ngày 14/3/2018 cho đến khi cháu B và cháu P thành niên.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh V chậm trả tiền thì hàng tháng anh V phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Chị N, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Chị N, anh V khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 22/3/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom có Quyết định số 116/QĐKNPT-VKS-HNGĐ kháng nghị đối với bản án số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 14/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm nêu trên.

Ngày 26/3/2018, bị đơn là anh Nguyễn Hoàng V có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 14/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giao cho bị đơn được nuôi 02 con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

Việc bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con của chị N là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp quy định tại Điều 244 BLTTDS, do đó tại phần Quyết định của bản án, Tòa án tuyên buộc anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ/2 cháu là đúng quy định tại Điều 58, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo như quy định tại khoản 1 Điều 5 BLTTDS. Nội dung kháng nghị này là chưa chính xác nên Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai rút nội dung kháng nghị này.

Về vấn đề giao hai con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng: Theo quy định của Luật hôn nhân gia đình, khi ly hôn cha mẹ đều có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh V và chị N có điều kiện nuôi con như nhau, các cháu đều trên 3 tuổi, sau khi hai vợ chồng sống ly thân thì kinh doanh hàng ăn và bán nước giải khát tại nhà nên có nhiều thời gian trực tiếp chăm sóc con hơn anh V do anh V đi làm tại công ty. Tuy nhiên, xét thấy cả hai đều có nguyện vọng được trực tiếp, chăm sóc nuôi con chung nên Tòa án cấp sơ thẩm giao cả hai con cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là chưa xem đến nguyện vọng chính đáng của anh V.

Vì vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của anh V, chấp nhận kháng nghị, sửa một phần bản án sơ thẩm theo khoản 2 Điều 308 BLTTDS, giao cháu Nguyễn Hoàng Gia B cho chị N (do cháu B có lời khai có nguyện vọng được ở

với mẹ), giao cháu Nguyễn Hoàng Gia P cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Hoàng V làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Đối với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom và kháng cáo của anh Nguyễn Hoàng V xét thấy:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2017 của chị N, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Ngày 29/11/2017 Tòa án thụ lý giải quyết 02 quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con. Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 05/01/2018 chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện (xin ly hôn với anh V và yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con). Tại phiên tòa sơ thẩm, tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, chị N bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ/1 cháu (BL 97). Tại phần tranh tụng và tranh luận bà chị tiếp tục yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Như vậy, việc bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con của chị N là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp quy định tại Điều 244 BLTTDS, do đó tại phần Quyết định của bản án, Tòa án tuyên buộc anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ/2 cháu là đúng quy định tại Điều 58, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo như quy định tại khoản 1 Điều 5 BLTTDS. Nội dung kháng nghị này là chưa chính xác nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai rút nội dung kháng nghị này là có căn cứ. Vì vậy, đối với nội dung kháng nghị này Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ không xem xét.

Về vấn đề giao hai con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng: Mặc dù chị N, anh V đều tha thiết xin nuôi con và thực tế cả hai anh, chị đều có điều kiện nuôi con như nhau. Tuy nhiên, do cháu lớn có nguyện vọng được ở với mẹ, còn cháu Phúc còn nhỏ nên rất cần bàn tay chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa, kể từ khi anh V, chị N ly thân thì cả hai cháu vẫn chung sống với chị N và chị N vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu tốt về mọi mặt. Do vậy, để ổn định

tâm lý của các cháu nên Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiếp tục giao hai cháu cho chị N nuôi dưỡng là hợp lý.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh V, không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đối với nội dung này.

[3] Về án phí: Anh V phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 005931 ngày 28/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận phần phù hợp.

Vì những lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Hoàng V.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom.

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 14/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh N về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Nguyễn Hoàng V.

Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 21/02/2008 và Nguyễn Hoàng Gia P, sinh ngày 30/7/2014 cho chị Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Hoàng V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ/02 cháu (ba triệu đồng) kể từ ngày 14/3/2018 đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động.

Anh V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Chị N, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí:

5.1. Về án phí sơ thẩm:

Chị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 005931 ngày 28/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

Anh V phải nộp 300.000đ án phí DSST về việc cấp dưỡng.

5.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh V phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí số 000306 ngày 27/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Trảng Bom;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- UBND xã Bình Minh, h. Trảng Bom;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thu Hương